

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----  
Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 24/01/2022

V/v “*Tranh chấp Hôn nhân và gia  
đình*”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

*Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:*

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:** Ông Hà Minh Lực.

**Các Hội thẩm nhân dân:** - Ông Bùi Khắc Thái.  
- Ông Nguyễn Văn Phiếu.

**Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:** Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Tòa  
án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên  
tòa:** Bà Đinh Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 24/01/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở  
phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý 198/2021/TLST-  
HNGĐ ngày 04/11/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2021/QĐXX-  
HNGĐ ngày 07/01/2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” giữa:

**Nguyên đơn:** Chị Bùi Thị H, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn A, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Nhân viên Công ty Viettel N.

**Bị đơn:** Anh Nguyễn Chí P, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Chị Hà và anh P đều vắng mặt, đề nghị xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện ngày 01/11/2021, bản tự khai ngày 11/11/2021, biên bản hòa giải ngày 05/01/2022 và đơn nghị xử vắng mặt ngày 19/01/2022 chị Hà trình bày:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh P kết hôn với nhau ngày 30/12/2016 đăng ký tại UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại phố T, thị trấn N. Từ khi kết hôn cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh P không tu chí làm ăn chăm lo cuộc sống vợ con và gia đình. Vợ chồng không còn tin tưởng nhau, gia đình hai bên đã hòa giải khuyên nhủ nhiều lần nhưng không có kết quả đến tháng 10 năm 2021 chị đã mang theo con về nhà mẹ đẻ ở xã V ở từ đó sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn*: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thành N, sinh ngày 09/10/2017 khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung do công việc và thời gian chị có đủ điều kiện để nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con chị yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 02 triệu đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

3. *Về tài sản chung, công nợ chung*: Chị và anh P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Ý kiến anh P**: Trong bản tự khai ngày 16/12/2021, biên bản hòa giải ngày 05/01/2021 anh P xác định lời khai của chị H về diễn biến Hôn nhân và gia đình giữa vợ chồng anh là đúng.

*Về tình cảm*: Anh không nhất trí ly hôn với chị H vì tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh xin sửa chữa những sai sót trước đây với vợ con để vợ chồng về đoàn tụ.

*Về con chung và cấp dưỡng nuôi con*: Nếu ly hôn anh nhất trí để chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thành N, sinh ngày 09/10/2017 đến khi cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi.

*Về cấp dưỡng*: Anh P xác định anh sẽ cấp dưỡng nuôi cháu N cùng chị H mỗi tháng 2 triệu đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

*Về tài sản chung, công nợ chung*: Anh và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại Phiên tòa: Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:***

*Việc tuân theo pháp luật trong thời hạn chuẩn bị xét xử của Thẩm phán và Thư ký*: Thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:* Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của BLTTDS 2015.

*Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:* Áp dụng các Điều 5, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H. Xử lý hôn giữa chị Bùi Thị H, và anh Nguyễn Chí P,

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Giao chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Thành N, sinh ngày 09/10/2017 đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 2 triệu đồng, kể từ tháng 02/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung và công nợ chung:* Không giải quyết.

- *Về án phí ly hôn:* Chị Hà phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được chuyển sang án phí.

- *Về án phí cấp dưỡng:* Anh P phải nộp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa chị Hà và anh P. Tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

1. Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự, từ khi thụ lý đơn khởi kiện của chị Hà. Tòa án nhân dân huyện N đã gửi thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho các đương sự. Chị Hà và anh P đã chấp hành đầy đủ. Đến ngày 07/01/2022 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

2. Về quan hệ hôn nhân: Từ lời khai của đương sự từ kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn N và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định: Chị

Bùi Thị H và anh Nguyễn Chí P kết hôn với nhau ngày 30/12/2016 đăng ký tại UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Từ thực tế cuộc sống và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như các đương sự đã trình bày, khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, chị H và anh P cũng như gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần để anh P thay đổi lối sống nhưng anh P vẫn không thay đổi. Vì thế đến tháng 10/2021 chị H đã cùng con về nhà mẹ đẻ ở xã V ở và sống ly thân với anh P không quan tâm gì đến nhau nữa, đây chính là căn cứ xác định tình cảm vợ chồng của chị H và anh P không còn khả năng đoàn tụ, đã có đủ cơ sở pháp lý để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Xử lý hôn giữa chị H và anh P là phù hợp với thực tế và quy định của Pháp luật để hai người sớm ổn định cuộc sống (áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014).

3. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn:* Xét thực tế chị H và anh P có 01 con chung là Nguyễn Thành N, sinh ngày 9/10/ 2017 hiện đang ở với chị H, việc chăm sóc nuôi dạy con của chị H sẽ thuận tiện hơn anh P về nhiều mặt, vì vậy cần giao chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N. Về cấp dưỡng nuôi con xét ý kiến của chị H và anh P cần buộc anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 02 triệu đồng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

4. *Về tài sản chung và công nợ chung:* Chị H và anh P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết.

5. *Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng:* Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Anh P phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH

*Áp dụng:* Các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 5, 147, 227, 228, khoản 1 Điều 271 và khoản 1 Điều 273; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H. Xử lý hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Chí P.

**2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:** Giao chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Thành N, sinh ngày 09/10/2017 đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi (trừ trường hợp có thay đổi khác). Anh

P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng 2 triệu đồng, kể từ tháng 02/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán hết số tiền phải thi hành án cho người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

*Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó*

**3. Về tài sản chung và công nợ chung:** Không giải quyết.

**4. Về án phí:** - *Về án phí ly hôn sơ thẩm:* Chị H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2021/0003396 ngày 04/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

- *Án phí cấp dưỡng nuôi con chung:* Anh P phải nộp 300.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm, chị H và anh P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện N
- THADS huyện N
- UBND thị trấn N.
- Dương sự
- Lưu/.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Hà Minh Lực**